

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/LĐ-ST
Ngày: 29/12/2021
V/v tranh chấp tiền lương.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên;
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-LĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp tiền lương theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-LĐ ngày 09/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST-LĐ ngày 06/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2021/QĐST-LĐ ngày 02/6/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 30/2021/TB-TA ngày 03/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2021/QĐST-LĐ ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ K, khu phố M, đường N, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V.

Trụ sở: Đường L, ấp K, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn D, sinh năm: 1979 – chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

Chỗ ở của ông D: Ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng:

3.1. Phạm Thị Kim Th, sinh năm: 1990 (vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Xã E, huyện P, Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Đường N, tổ K, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Văn Đình H1, sinh năm: 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Q, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Phạm Hữu Ng (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố H, Phường A, thị xã T, Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2020, bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:

Ngày 01/4/2019, bà Trần Thị H và Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V (sau đây gọi tắt là công ty V) có ký hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm (từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/3/2020), mức lương là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng/tháng, công việc chính làm kế toán, hình thức trả lương là tiền mặt hoặc chuyển khoản vào ngày 15 hàng tháng. Đến giữa tháng 10 năm 2019, bà H có đơn xin nghỉ việc với lý do bận việc gia đình và được công ty chấp nhận. Đại diện theo pháp luật của công ty V là ông Trịnh Văn D ghi nhận trong đơn xin nghỉ việc là công ty đang khó khăn về tài chính, vì vậy công ty sẽ thanh toán lương vào ngày 15/11/2019. Tuy nhiên, từ đó đến nay mặc dù bà H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu công ty trả tiền lương của 04 tháng 15 ngày (từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019) nhưng công ty vẫn không trả lương cho bà.

Khi bà H có đơn xin nghỉ việc, người đại diện theo pháp luật của công ty V là ông Trịnh Văn D ghi không cần bàn giao hồ sơ cho ai hết. Bà yêu cầu Quyết định nghỉ việc nhưng người phụ trách trả lời không có quyết định nghỉ việc. Nay bà đã nghỉ việc gần 01 năm nên việc người đại diện theo pháp luật của công ty V yêu cầu bàn giao là không thể thực hiện được và không đúng với nội dung ông D ghi trong đơn xin nghỉ việc kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc công ty V có nghĩa vụ phải trả tiền lương còn nợ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019 cho bà là 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng ($4,5 \text{ tháng} \times 13.000.000 \text{ đồng/tháng} = 58.500.000 \text{ đồng}$).

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 25/11/2020, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trịnh Văn D trình bày: Bà H có làm việc cho công ty V và công ty đã cho nghỉ việc nhưng công ty chưa thanh toán tiền lương cho bà H. Công ty đồng ý trả lương cho bà H với điều kiện bà H lên công ty làm giải trình chi phí và các hồ sơ liên quan trong lúc bà H đảm nhiệm, sau khi bà H hoàn tất vấn đề nêu trên thì công ty V sẽ thanh toán hết lương cho bà H.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – bà Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết vụ án chưa đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ngày 01/4/2019 bà Trần Thị H có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V thời hạn là 01 năm từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/3/2020, địa điểm làm việc tại văn phòng công ty, chức danh là kế toán, thời gian làm việc là 08 giờ/ngày, mức lương là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng/tháng, trả lương vào ngày 15 hàng tháng, đây là hợp đồng được ký trên sự tự nguyện của hai bên không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Văn D là giám đốc Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V đến Tòa án làm việc vào ngày 25/11/2020 và thừa nhận việc bà H là nhân viên làm việc tại công ty và công ty có nợ lương bà H nhưng không xác định số tiền nợ lương. Ông D đã được tiếp cận công khai chứng cứ và ông không giao nộp chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án đã lấy lời khai của những người làm chứng là bà Phạm Thị Kim Th và ông Văn Đình H1 (là những người làm chung công ty với bà H). Ông H1 và bà Th đều khẳng định bà H có làm tại công ty với chức danh là kế toán và từ tháng 6 năm 2019 công ty đã không trả lương cho nhân viên.

Từ những phân tích trên nhận thấy việc bà H làm việc tại công ty với chức danh là kế toán và công ty còn nợ lương bà H là có thật, công ty có đăng ký kinh doanh và chưa giải thể. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D là giám đốc công ty có đến Tòa một lần, biết những yêu cầu của bà H nhưng không cung cấp chứng cứ hay có ý kiến phản bác yêu cầu của bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 32, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

90, Điều 95 và Điều 96 của Bộ luật lao động năm 2012 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Trần Thị H khởi kiện đối với Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V (sau đây gọi tắt là công ty V) yêu cầu trả tiền lương. Theo kết quả xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì công ty V có trụ sở tại Đường L, ấp K, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa đăng ký giải thể và đây là tranh chấp lao động về tiền lương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về tiền lương nên đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi khởi kiện tại Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 201 của Bộ luật lao động năm 2012. Căn cứ vào biên bản hòa giải tranh chấp lao động lần 1 ngày 19/3/2020, lần 2 ngày 26/3/2020 tại Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện H thì bà Trần Thị H đủ điều kiện khởi kiện.

[3]. Về tố tụng: Bị đơn là công ty V, có người đại diện theo pháp luật là ông Trịnh Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5]. Căn cứ Hợp đồng lao động số 10/19/HĐLĐ ngày 01/4/2019 được ký kết giữa bà Trần Thị H và công ty V, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng có đủ cơ sở xác định bà H làm việc tại công ty V theo hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm (từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/3/2020), các thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 22 của Bộ luật lao động năm 2012, không trái đạo đức xã hội và dựa trên cơ sở tự nguyện nên có hiệu lực pháp lý đối với các bên.

[6]. Theo nguyên đơn, mặc dù thời gian làm việc theo hợp đồng lao động trên là 01 năm nhưng vì lý do công ty không thanh toán lương cho bà trong thời gian dài và vì lý do gia đình nên giữa bà và công ty V đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn, tuy nhiên công ty không ra Quyết định nghỉ việc và giao Quyết định nghỉ việc cho bà, do đó bà chỉ cung cấp được chứng cứ

cho tòa là đơn xin nghỉ việc kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty V là ông Trịnh Văn D. Xét nội dung đơn xin nghỉ việc và nội dung phê duyệt của người đại diện theo pháp luật của công ty V trong đơn xin nghỉ việc kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 là công ty đang khó khăn về tài chính, vì vậy công ty sẽ thanh toán lương vào ngày 15/11/2019, chứng tỏ về mặt ý chí công ty V đã thống nhất cho bà H nghỉ việc theo đơn. Ngoài ra, lời trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của công ty V tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 25/11/2020 (bà H có làm việc cho công ty V và công ty đã cho nghỉ việc nhưng công ty chưa thanh toán tiền lương cho bà H). Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà H và công ty V đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2012.

[7]. Nguyên đơn cho rằng trong thời gian làm việc, công ty V mới thanh toán được tiền lương của tháng 4 và tháng 5 năm 2019 cho bà, còn nợ tiền lương từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019 là 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Căn cứ đơn xin nghỉ việc kể từ ngày 01/11/2019 có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty V là ông Trịnh Văn D ghi nhận là công ty đang khó khăn về tài chính, vì vậy công ty sẽ thanh toán lương vào ngày 15/11/2019; lời trình bày của người đại diện theo pháp luật tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 25/11/2020 và của người làm chứng Phạm Thị Kim Th và Văn Đình H1 (là những người làm việc cùng công ty V với bà H) có đủ căn cứ xác định công ty V còn nợ lương bà H.

[8]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc công ty V trả tiền lương từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019: Mặc dù, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh công ty V còn nợ lương từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của người làm chứng Phạm Thị Kim Th và Văn Đình H1 đều xác định thời gian công ty V không trả lương cho bà H nói riêng và nhiều người lao động làm việc trong công ty nói chung bắt đầu từ ngày 01/6/2019 đến thời điểm bà H và công ty V thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là ngày 15/10/2019, nguyên nhân là do công ty đang gặp khó khăn về tài chính, đồng thời còn phụ thuộc vào việc công ty chúng thầu mới có tiền trả lương cho người lao động. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 126/2020/QĐ-CCTLCC ngày 25 tháng 12 năm 2020 yêu cầu Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện H bảng lương kể từ thời điểm bà H làm việc đến thời điểm bà H nghỉ việc tại công ty; phần bảng lương đã thanh toán cho bà H, tuy nhiên, công ty V đã không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Ngoài ra, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/11/2020 ông D đã được tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ông không có ý kiến phản bác và cũng không giao nộp chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ trên lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như những chứng cứ thu thập được làm căn cứ để xem xét, giải quyết vụ án. Xét lời khai của bà H phù

hợp với lời khai của những người làm chứng, Hội đồng xét xử xét có căn cứ để xác định công ty V còn nợ lương bà H từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019.

[9]. Căn cứ hợp đồng lao động số 10/19/HĐLD ngày 01/4/2019 ký kết giữa bà H và công ty V thì mức lương công ty V trả cho bà H là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng/tháng. Như vậy, thời gian công ty V chưa trả lương cho bà H cụ thể như sau:

[9.1]. Thời gian từ ngày 01/6/2019 đến 15/10/2019 là: 04 tháng 15 ngày.

[9.2]. Số tiền lương chưa trả: 04 tháng 15 ngày x 13.000.000 đồng/tháng = 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

[10]. Tại Điều 3 của Hợp đồng lao động nêu trên xác định hình thức trả lương vào ngày 15 hàng tháng. Thỏa thuận này phù hợp quy định tại Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật lao động năm 2012. Tuy nhiên, đến nay công ty V vẫn chưa trả tiền lương từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019 cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền lương theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật lao động năm 2012.

[11]. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 25/11/2020, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trịnh Văn D có yêu cầu bà H lên công ty làm giải trình chi phí và các hồ sơ liên quan trong lúc bà H đảm nhiệm, sau khi bà H hoàn tất vấn đề nêu trên thì công ty V sẽ thanh toán hết lương cho bà H. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của công ty không nêu được làm giải trình chi phí và các hồ sơ liên quan nào đồng thời tại đơn xin nghỉ việc kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 có chữ ký xác nhận của ông D có nội dung không cần bàn giao cho ai hết, phần cuối đơn xin nghỉ việc ông D ghi nội dung công ty còn khó khăn về tài chính vì vậy công ty sẽ thanh toán lương vào ngày 15/11/2019, điều này đồng nghĩa với việc công ty V đã chấp thuận cho bà H nghỉ việc và đồng ý trả lương còn thiếu cho bà H nên ý kiến của ông D là không có cơ sở để xem xét.

[12]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc công ty V phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền lương từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019 là 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

[13]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm công ty V phải chịu là: 58.500.000 đồng x 3% = 1.755.000 (một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

[14]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[15]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 32; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 15, 16, 17, 22, 90, 94, 95, 96, 98, Khoản 1 Điều 201 và Điều 202 của Bộ luật lao động năm 2012;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H.

2. Buộc Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V phải trả cho bà Trần Thị H tiền lương từ ngày 01/6/2019 đến ngày 15/10/2019 là 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Công ty TNHH Thiết kế xây dựng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.755.000 (một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân

sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND H.H, TP.HCM;
- Chi cục THADS H. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy